

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KMC/220886



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU CƠ GIỚI NHẬT THẢO

Địa chỉ (Address): Số 585/56 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): SAKAI

Mã kiểu loại (Model code): SW500

Tên thương mại (Commercial name): SW500

Màu xe (Vehicle color): Vàng

Số khung (Chassis Nº): VSW1810476

Số động cơ (Engine Nº): 175708

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Năm sản xuất (Production year): 2004

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 107619749051/16/10/2025

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 021455/25MC-026/002

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 05/04/2026 / Thành phố Hồ Chí Minh

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 021455/25MC

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	4000	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	3100 x 1390 x 2530	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	4LE1, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	29,6/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	11,2	km/h

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)**

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	29,4 (*)	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	52	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	01/800x1300	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	01/800x1300	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

(*) Xe lu rung có 2 trống rung trên 2 bánh lu, lực rung lớn nhất của một trống là: 29,4 kN (3000kG).

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvic@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 07/04/2026
21:25:25

Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Đỗ Văn Kha

Email:

khavaq.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG

KIỂM VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian: 07/04/2026

21:25:25

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3855078